

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/ST-KDTM

Ngày: 23-5-2024

“Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Công Hoan**

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**  
Ông **Huỳnh Bá Dương**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Linh Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Quỳnh Trang**.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: Số B Đ, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đình Văn T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Trọng T1** - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: P - B, chung cư V, phường N, quận S, TP Đà Nẵng – Ông **T1** có mặt.

- **Bị đơn:** Bà **Đoàn Thị Hương D** – Sinh năm 1998

Địa chỉ: Số C T, phường H, quận N, TP Đà Nẵng – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2030, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty cổ phần H, ông ông Hoàng Trọng T1 trình bày:

**Công ty Cổ phần H** (sau đây gọi tắt là **Công ty H**) và bà **Đinh Thị Hương D1** là đối tác làm ăn trong lĩnh vực mua bán sữa. Bà **D1** là người thu mua sữa của **công ty H** và bán lẻ cho người tiêu dùng.

Từ tháng 5/2022 đến cuối năm 2022, sau khi nhận hàng từ **công ty H** bà **D1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho **công ty H**.

Ngày 7/6/2023 **Công ty H** và bà **Dương k** với nhau văn bản đề nghị thanh toán, Số: 002/CV-HC. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ, tính đến thời điểm đầu tháng 6/2023, bà **D1** còn nợ **Công ty H** số tiền hàng chưa thanh toán là: **230.650.000đ** (*Hai trăm ba mươi triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Về kế hoạch thanh toán khoản nợ trên chia thành 5 đợt như sau:

1. Tháng 6/2023: Mỗi tuần bà **D1** thanh toán 10.000.000VNĐ. Tổng 40.000.000VNĐ, hoàn thành trước 25/6/2023;
2. Tháng 7/2023: Mỗi tuần bà **D1** thanh toán 15.000.000VNĐ. Tổng 60.000.000VNĐ, hoàn thành trước 27/7/2023;
3. Tháng 8/2023: Mỗi tuần bà **D1** thanh toán 15.000.000VNĐ. Tổng 60.000.000VNĐ, hoàn thành trước 26/8/2023;
4. Tháng 9/2023: Mỗi tuần bà **D1** thanh toán 15.000.000VNĐ. Tổng 60.000.000VNĐ, hoàn thành trước 25/6/2023;
5. Tháng 10/2023: trước ngày 07/10/2023 thanh toán 10.650.000VNĐ.

Sau khi ký văn bản đề nghị thanh toán với lộ trình nêu trên bà **D1** vẫn chây ỳ không thực hiện theo đúng nội dung đã cam kết. Sau nhiều lần nhắc nhở đến ngày 23/06/2023 bà **D1** thanh toán 10.000.000đ, ngày 31/7/2023 bà **D1** thanh toán cho **Công ty H** 20.000.000đ.

Nay, **Công ty Cổ phần H** yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà **Đoàn Thị Hương D** phải trả cho **Công ty H**: **200.650.000đ**.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà **Đoàn Thị Hương D** Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **Đoàn Thị Hương D** vẫn cố tình né tránh không đến Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiền hành tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; riêng bị đơn vắng mặt liên tiếp tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà **Đoàn Thị Hương D** theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà **Đoàn Thị Hương D** phải trả cho **Công ty H** 200.650.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:*

**[1] Về Tố tụng:** **Công ty Cổ phần H** khởi kiện bà **Đoàn Thị Hương D** và có đơn lựa chọn tòa án nơi thực hiện Hợp đồng nên Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ban đầu, Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự theo thủ tục chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ thì biết được bà **Đoàn Thị Hương d** có đăng ký kinh doanh với tên gọi *Hộ kinh doanh đại lý sữa P*. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ tranh chấp trong lĩnh vực Kinh doanh -Thương mại về: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Bà **Đoàn Thị Hương D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. bà **D** phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

**[2] Về nội dung vụ án:** **Công ty Cổ phần H** và bà **Đoàn Thị H** là đối tác làm ăn trong lĩnh vực mua bán sữa. Bà **D** là người thu mua sữa của **công ty H** và bán lẻ cho người tiêu dùng. Trong quá trình mua hàng, bà **D** còn thiếu **Công ty Cổ phần H** số tiền 200.650.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà **Đoàn Thị Hương D** phải trả cho **Công ty Cổ phần H** 200.650.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà **Đoàn Thị Hương D** Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **Đoàn Thị Hương D** vẫn cố tình né tránh không đến Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tại Hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình mua hàng, bà **D** còn thiếu **Công ty Cổ phần H** số tiền 200.650.000đ là có thật. Do đó, cần tuyên buộc bà **Đoàn Thị Hương D** phải trả cho **Công ty Cổ phần H** số tiền 200.650.000đ là đúng quy định của pháp luật.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần H** đối với bà **Đoàn Thị Hương D** với số tiền tiền 200.650.000đ được HĐXX chấp nhận nên bà **Đoàn Thị Hương D** phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.032.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 4 luật thương mại; Điều 280, 357 Bộ luật dân sự; Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Công ty Cổ phần H đối với bà Đoàn Thị Hương D.

### **Tuyên xử:**

[1] Buộc bà Đoàn Thị Hương D phải trả cho Công ty Cổ phần H số tiền 200.650.000đ (hai trăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: 10.032.000đ bà Đoàn Thị Hương D phải chịu.

[2.1] Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.016.000đ theo biên lai thu số 0001657 ngày 18/11/2023 tại Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- VKSND QNHSơn;
- Chi cục THADS quận NHTSơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Hoan**